TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-4-2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa.
Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc " *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-DS ngày 11/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐ-ST ngày 30/3/2020, thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 31/3/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Đăng Kh**, sinh năm 1982.

HKTT: Thôn L, Xã H, Huyện T, Tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại đường Nguyễn Văn L, Phường T, Thành phố H, Tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị **Hà Ngọc H**, sinh năm 1989.

HKTT: Thôn Đ, Xã Ng, Huyện T, Tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Số nhà , Phố Đ, Phường Q, Thành phố H, Tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Vương Quốc Anh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Phạm Đăng Kh trình bày: Anh và chị H tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/4/2007. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc khoảng được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xô xát. Đầu năm 2010 chị H đã bỏ về nhà đẻ ở số .., phố Đ, thành phố H sinh sống, từ đó vợ chồng sống ly thân. Khoảng năm 2011 chị H sang Vương Quốc Anh lao động, vợ chồng chấm

dứt liên lạc. Nay anh xác định tình cảm vợ không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H

Về con chung : Anh và chị Hà có 2 con chung là Phạm Hữu Th, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Tâm A, sinh ngày 10/12/2009. Hiện các con chung đang ở với anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh trình bày: Ông Hà Văn Ch (bố đẻ chị H) chết từ năm 2008. Địa chỉ trước khi xuất cảnh của chị H và gia đình ở số nhà .., phố Đ, Phường Q, Thành phố Hải D. Tòa án đã xác minh tại UBND phường Q xác định: Trước đây gia đình bà Trịnh Thị H (mẹ đẻ chị H) cùng các con là H Ngọc H, Hà Thu Tr, Hà Trịnh Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Tuy nhiên, năm 2014 gia đình bà H đã chuyển hộ khẩu về Huyện T, Tỉnh Hải Dương, hiện tại không có mặt tại địa phương. Do anh Khoa không cung cấp được địa chỉ của chị H ở nước ngoài, không cung cấp được địa chỉ của mẹ đẻ chị H ở Việt Nam, mà chỉ cung cấp được nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của gia đình chị H cùng gia đình ông Trịnh Xuân Ph (là em ruột bà Trịnh Thị H) ở thôn Đ, xã Ng, huyện T, tỉnh Hải Dương. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của ông Ph, xác định do bà H vay tiền của nhiều người (trong đó có vay tiền của ông) nhưng mất khả năng thanh toán, nên đã bỏ đi từ lâu. Chị H sang Vương Quốc Anh làm ăn, sinh sống, còn Bà H đi đâu thì gia đình không ai biết. Thỉnh thoảng ông có liên lạc trên mạng xã hội với chị Hà để hỏi thăm nhau, ông không biết địa chỉ của chị H tại nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị H biết thông qua mạng xã hội và điện thoại. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các băn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông Ph đã thông tin cho chị H biết. Chị H có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Kh, do điều kiện khó khăn nên không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, nên đề nghị giải quyết vắng mặt.Về con chung: Chị H đồng ý để anh Kh nuôi con. Về tài sản chung, không đề nghị giải quyết.

Các con chung của anh Kh, chị Hà là Phạm Hữu Th và Phạm Tâm A đều xác định ở với anh Kh từ nhỏ. Cả hai con chung đều có nguyện vọng ở với anh Kh trong trường hợp anh Kh, chị H ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chưa đảm bảo thời gian chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và tiếp tục yêu cầu đương sự cung cấp địa chỉ của bị đơn đến khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Tòa án vẫn tiến hành xét xử nên Kiểm sát viên không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Kh không cung cấp được địa chỉ của chị ở nước ngoài. Ở Việt Nam, gia đình chị H không thể liên lạc được. Bản thân chị H thường xuyên liên lạc với cậu ruột là ông Trịnh Xuân Ph, nên có căn cứ xác định ông Ph là người thân của chị H. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã nhiều lần yêu cầu người thân của chị H cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Mặt khác ông Ph cũng đã nhận các văn bản tố tụng và cam đoan thông báo cho chị H biết việc Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh Kh và chị. Thông qua ông Ph, chị H đã đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên đến ngày xét xử chị H vẫn vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đăng Kh và chị Hà Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/4/2007 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2010 chị H về nhà mẹ đẻ ở, đến đầu năm 2011 chị H đi lao động tại Vương Quốc Anh, vợ chồng chấm dứt liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Thông qua người thân của gia đình, chị H có quan điểm đồng ý ly hôn, và đề nghị giải quyết vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Kh và chị H đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu không ai quan tâm tới ai, cuộc sống vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kh về việc ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Đăng Kh và chị Hà Ngọc H có 02 con là Phạm Hữu Th, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Tâm A, sinh ngày 10/12/2009. Xét thực tế từ nhỏ các con chung đều ở với anh Kh. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với anh Kh trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Mặt khác chị H đang ở nước ngoài, không có mặt ở Việt Nam nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. HĐXX chấp nhận giao cả hai con chung cho anh Kh nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Kh không yêu cầu chị Hà phải cấp dưỡng cho con. Sau này chị H về Việt Nam sinh sống có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết yêu cầu thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3].Về án phí: Nguyên đơn anh Phạm Đăng Kh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Đăng Kh ly hôn chị Hà Ngọc H.

2.Về con chung: Xử giao cho anh Phạm Đăng Kh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Hữu Th, sinh ngày 26/12/2007 và Phạm Tâm A, sinh ngày 10/12/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Phạm Đăng Kh không yêu cầu chị H Ngọc H phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở chị Hà Ngọc H thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Đăng Kh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Kh đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0000717 ngày 13/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Đăng Kh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Hà Ngọc H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Minh Tân

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Ng, huyện T;*
-*UBND xã Hưng Đ, huyện T;*
- *Lưu hồ sơ, Văn phòng, Tòa GĐ&NCTN.*